

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Chăn nuôi - Thú y

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Những người đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

(Những người tốt nghiệp THCS học thêm chương trình văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo).

Thời gian khoá học: 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ trung cấp là ngành đào tạo, nghiên cứu năng lực chuyên môn về Chăn nuôi - Thú y, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu về lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới nhằm bảo vệ sức khỏe cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp sản phẩm có giá trị và an toàn cho xã hội, phục vụ tốt chiến lược phát triển chăn nuôi bền vững.

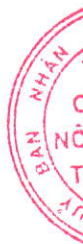
Các nhiệm vụ chính của ngành, nghề gồm: sản xuất thuốc thú y, chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất con giống; nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; truyền tinh nhân tạo; ấp trứng nhân tạo; chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; phòng, điều trị bệnh cho vật nuôi; kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi.

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ trung cấp có thể làm ở các cơ sở chăn nuôi, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; các trại, công ty sản xuất con giống gia súc, gia cầm; các cơ sở, hợp tác xã, công ty, trang trại, hộ gia đình chăn nuôi; các trạm, trại, các trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; các cửa hàng dịch vụ thú y, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi; tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn...

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành Chăn nuôi - Thú y có trình độ Trung cấp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức cơ bản vững chắc về lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y, có khả năng làm việc độc lập tại các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y. Có sức khỏe tốt, đáp ứng nhu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.



2.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Trình bày được các cách sử dụng dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác;

- Trình bày được các đặc điểm sinh lý, sinh hóa, đặc điểm giải phẫu vật nuôi; các giống vật nuôi và các phương pháp lai giống; một số loại cây thức ăn gia súc, cách trồng và khai thác và nguồn gốc, vai trò dinh dưỡng của các loại thức ăn chăn nuôi;

- Trình bày được tính chất, tác dụng và ứng dụng điều trị của các loại thuốc thú y, vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y; quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Trình bày được các ứng dụng về công nghệ thông tin, kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề phát sinh;

- Mô tả được các phương pháp huấn luyện đực giống và khai thác tinh dịch, pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá chất lượng tinh dịch;

- Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo; phương pháp trợ sản cho gia súc đẻ và các biện pháp can thiệp khi gia súc đẻ khó;

- Mô tả được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc các loại vật nuôi; các yếu tố ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi;

- Trình bày được các phương pháp thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi;

- Mô tả được các phương pháp huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng; các bước công việc trong chẩn đoán lâm sàng, tiên lượng tình trạng bệnh cho vật nuôi; nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh thường gặp trên vật nuôi, phân tích được phác đồ điều trị bệnh hiệu quả;

- Trình bày được quy trình tiêm phòng vắc xin, nhận biết được những phản ứng sau khi tiêm vắc xin và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời;

- Trình bày được các bước lập kế hoạch và thực hiện kinh doanh thuốc thú y, thức ăn và sản phẩm chăn nuôi;

- Trình bày được các kiến thức về Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các biện pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, thú y; các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi thú y;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

** Về kỹ năng:*

- Áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y;

- Sử dụng được các dụng cụ thú y, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, trang thiết bị phòng dịch, các máy móc thiết bị khác.

- Lựa chọn được các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với đối tượng vật nuôi; trồng và khai thác được cây thức ăn gia súc; thực hiện các bước sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; các biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi;

- Tham gia thực hiện quy trình sản xuất thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Huấn luyện được đực giống và khai thác tinh dịch đúng kỹ thuật; pha chế, bảo quản, kiểm tra đánh giá được chất lượng tinh dịch;

- Thực hiện vận hành máy ấp trứng nhân tạo đúng quy trình;

- Lựa chọn được con giống đạt tiêu chuẩn và thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc các loại vật nuôi đúng quy trình;

- Thực hiện trợ sản được cho gia súc và hỗ trợ xử lý được các trường hợp gia súc đẻ khó;

- Thực hiện được việc huấn luyện, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thú cưng;

- Thực hiện đúng các phương pháp khám bệnh cho vật nuôi; quy trình tiêm phòng vắc xin; một số phương pháp chẩn đoán bệnh cho vật nuôi;

- Lập được phác đồ điều trị và thực hiện điều trị được các bệnh: nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, ký sinh trùng, truyền nhiễm cho vật nuôi;

- Tổ chức và thực hiện được kinh doanh con giống, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi đảm bảo đúng pháp luật của nhà nước;

- Sử dụng được các biện pháp khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản theo quy định, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động trong quá trình thực hiện, đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi
- Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp đạt trình độ Trung cấp ngành Chăn nuôi - Thú y, người học có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại các cơ quan chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y hoặc tại các hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình về các lĩnh vực như: sản xuất thuốc thú y, chế biến thức ăn chăn nuôi, sản xuất con giống, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, truyền tinh nhân tạo, chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi..., hoặc trực tiếp tổ chức kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1665 giờ
- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1410 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 532 giờ; thực hành, thực tập: 1057 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị
2	NLCB-02	Vận dụng các kiến thức giáo dục thể chất
3	NLCB-03	Sử dụng tiếng anh ở cấp độ cơ bản
4	NLCB-04	Sử dụng tin học cơ bản

5	NLCB-05	Vận dụng các kiến thức pháp luật trong hành vi ứng xử
6	NLCB-06	Vận dụng các kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh
7	NLCB-07	Sử dụng dụng cụ thú y
8	NLCB-08	Sử dụng dụng cụ, thiết bị chăn nuôi
9	NLCB-09	Sử dụng các trang thiết bị phòng dịch
10	NLCB-10	Sử dụng máy móc thiết bị khác (máy siêu âm, máy phát hiện mang thai, máy X - quang, máy nội soi, khí dung...)
11	NLCB-11	Sử dụng, quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi
12	NLCB-12	Thực hiện các biện pháp an toàn lao động
13	NLCB-13	Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường
14	NLCB-14	Sử dụng tài nguyên hợp lý
15	NLCB-15	Vận dụng các kỹ năng mềm trong công việc chuyên môn và giao tiếp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
16	NLCL-01	Thực hiện sản xuất thuốc thú y: Chuẩn bị nguyên liệu, kiểm tra chất lượng nguyên liệu, phối trộn nguyên liệu theo công thức, vận hành quy trình sản xuất, bảo quản và bao gói sản phẩm
17	NLCB-02	Trồng cây thức ăn, khai thác sơ chế và bảo quản thức ăn, xác định nhu cầu dinh dưỡng, chế biến thức ăn chăn nuôi, vận hành quy trình sản xuất thức ăn, đóng gói, bảo quản sản phẩm
18	NLCB-03	Nhận biết đặc điểm giải phẫu của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi. Xác định một số chỉ tiêu sinh lý: hồng cầu, bạch cầu, tần số hô hấp, tần số tim đập.
19	NLCB-04	Xác định giống vật nuôi, chọn giống vật nuôi, chọn phương pháp nhân giống, chọn lọc và ghép đôi giao phối, nhân giống, kiểm tra, đánh giá chất lượng giống vật nuôi, quản lý giống vật nuôi

20	NLCB-05	Chuẩn bị chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi
21	NLCB-06	Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi ở các giai đoạn
22	NLCB-07	Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển vật nuôi
23	NLCB-08	Theo dõi, điều chỉnh tiêu khí hậu chuồng nuôi
24	NLCB-09	Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
25	NLCB-10	Trợ sản gia súc đẻ
26	NLCB-11	Xử lý chất thải chăn nuôi
27	NLCB-12	Huấn luyện, chăm sóc thú cưng
28	NLCB-13	Tổng hợp, báo cáo kết quả chăn nuôi
29	NLCB-14	Huấn luyện đực giống, Khai thác tinh dịch Pha chế tinh dịch Kiểm tra chất lượng tinh dịch, Phân liều, đóng lọ, bảo quản tinh dịch, Dẫn tinh cho vật nuôi
30	NLCB-15	Chuẩn bị phòng ấp trứng, máy ấp trứng, trứng ấp, điều khiển máy ấp, máy nở, ra giống, chọn lọc, phân loại và phòng bệnh
31	NLCB-16	Chẩn đoán lâm sàng, chẩn đoán qua mô khám, chẩn đoán qua dịch tể học, lấy mẫu bệnh phẩm, tiên lượng tình trạng bệnh
32	NLCB-17	Vệ sinh thú y, thực hiện quy trình tiêm phòng, phát hiện dịch bệnh, khoanh vùng, cách ly vật bệnh
33	NLCB-18	Lập phác đồ điều trị Điều trị bệnh nội khoa Điều trị bệnh ngoại khoa Điều trị bệnh sản khoa Điều trị bệnh ký sinh trùng Điều trị bệnh truyền nhiễm Theo dõi, đánh giá kết quả phòng và điều trị
34	NLCB-19	Kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi: Lập kế hoạch kinh doanh, chuẩn bị địa điểm kinh doanh, đăng ký kinh doanh, nhập hàng, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, bán hàng, chăm sóc khách hàng, kiểm kê bảo quản, hàng hóa



6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
MH 02	Tin học	2	45	15	29	1
MH 03	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH 04	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 05	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH 06	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	59	1410	438	909	63
II.1	Môn học cơ sở	22	465	183	260	22
MH 07	Giải phẫu và sinh lý vật nuôi	4	90	30	56	4
MH 08	Dược lý thú y	4	90	30	56	4
MH 09	Giống vật nuôi	3	60	30	27	3
MH 10	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	15	28	2
MH 11	Luật thú y	2	30	13	15	2
MH 12	Khuyến nông	2	45	15	28	2
MH 13	Quản trị kinh doanh	2	45	20	23	2
MH 14	Trồng trọt cơ bản	3	60	30	27	3
II.2	Mô đun chuyên môn	37	945	255	649	41
MĐ 15	Kỹ thuật truyền giống	2	45	15	28	2
MĐ 16	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	4	90	30	56	4
MĐ 17	Chẩn đoán và điều trị học thú y	3	60	30	27	3
MĐ 18	Ký sinh trùng thú y	3	60	30	27	3

MĐ 19	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	4	90	30	56	4
MĐ 20	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò, dê, thỏ	4	90	30	56	4
MĐ 21	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt	4	90	30	56	4
MĐ 22	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	2	45	15	28	2
MĐ 23	Ngoại - Sản gia súc	3	60	30	27	3
MĐ 24	Kiểm tra thịt và các súc sản phẩm khác	2	45	15	28	2
MĐ 25	Thực tập cuối khóa	6	270	0	260	10
Tổng cộng		70	1665	532	1057	76

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, có thể bố trí thăm quan học tập, dã ngoại tại một số đơn vị, doanh nghiệp sản xuất cũng như kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y hoặc đơn vị kinh doanh, sản xuất con giống vật nuôi....

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày, 19 giờ đến 21 giờ (1 buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách, tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các

		buổi tối thứ 7, chủ nhật.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần
6	Tổ chức hội thi chuyên đề	Mỗi học kỳ tổ chức 1 lần

7.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

Hình thức kiểm tra hết môn học, mô đun: thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập, thực hành.

Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thi thực hành không quá 2 giờ.

7.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết	Không quá 180 phút
2	Thực hành	Bài thực hành kỹ năng tổng hợp	Không quá 4 giờ

- Xét công nhận tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành

7.4. Các chú ý khác

- Trên cơ sở sổ môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo được phê duyệt.

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoàng Bá Huyền